

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 1993

PHÁP LỆNH

**Công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án,
quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài**

Để góp phần mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với nước ngoài, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của pháp nhân, công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài;

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Pháp lệnh này quy định việc công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài

Trong Pháp lệnh này "Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài" được hiểu là bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự và bản án, quyết định khác của Tòa án nước ngoài mà pháp luật Việt Nam quy định là bản án, quyết định dân sự.

Điều 2. Nguyên tắc công nhận và thi hành

1- Tòa án Việt Nam chỉ xem xét để công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài trong các trường hợp sau đây:

a) Bản án, quyết định của Tòa án của nước mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế về vấn đề này;

b) Bản án, quyết định được pháp luật Việt Nam quy định công nhận và cho thi hành.

2- Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài chỉ được thi hành tại Việt Nam sau khi được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành.

3- Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam và không có đơn yêu cầu không công nhận, thì đương nhiên được công nhận tại Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

4- Tòa án Việt Nam chỉ xem xét việc không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam khi có đơn yêu cầu không công nhận.

Điều 3. Quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc yêu cầu không công nhận

1- Người được thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo quy định của Pháp lệnh này, bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, nếu người phải thi hành cư trú hoặc làm việc tại Việt Nam, hoặc tài sản liên quan đến việc thi hành có tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án Việt Nam nhận đơn yêu cầu.

2- Đương sự, người có lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam theo quy định của Pháp lệnh này, không công nhận bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

Điều 4. Thẩm quyền xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc đơn yêu cầu không công nhận

1- Việc xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi người phải thi hành cư trú hoặc làm việc, hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành.

Trong trường hợp người phải thi hành là pháp nhân, thì việc xét đơn yêu cầu thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi pháp nhân có trụ sở chính, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

2- Việc xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi người gửi đơn cư trú hoặc làm việc.

Trong trường hợp người gửi đơn là pháp nhân, thì việc xét đơn yêu cầu thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi pháp nhân có trụ sở chính, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

Điều 5. Bảo đảm quyền kháng cáo, kháng nghị

1- Quyết định của Tòa án công nhận hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài có thể bị các đương sự kháng cáo hoặc Viện kiểm sát kháng nghị.

2- Nếu hết thời hạn quy định tại Điều 18 và Điều 24 của Pháp lệnh này mà không có kháng cáo, kháng nghị, thì quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3- Việc xét đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị đối với quyết định của Tòa án đã xem xét bản án hoặc quyết định thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 6. Bảo đảm hiệu lực của quyết định của Tòa án Việt Nam công nhận hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài

1- Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành có hiệu lực pháp luật tại Việt Nam như bản án, quyết định dân sự của Tòa án Việt Nam đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không được Tòa án Việt Nam công nhận, thì không có hiệu lực pháp luật tại Việt Nam.

2- Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án Việt Nam về việc xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài phải được các đương sự nghiêm chỉnh thi hành, các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân tôn trọng.

Trong trường hợp người phải thi hành không tự nguyện chấp hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án Việt Nam công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài, thì bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Thông báo kết quả xét đơn yêu cầu

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định nói tại các điều 14, 15 và 23 của Pháp lệnh này, Toà án thông qua Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo kết quả việc xét đơn cho Toà án nước ngoài đã ra bản án, quyết định dân sự đó.

Điều 8. Bảo đảm việc chuyển tiền và tài sản thi hành bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm việc chuyển tiền và tài sản thi hành bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài từ Việt Nam ra nước ngoài; việc chuyển tiền và tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Lệ phí

Người gửi đơn yêu cầu quy định tại Điều 10 và Điều 21 của Pháp lệnh này phải nộp một khoản lệ phí. Chính phủ phối hợp với Toà án nhân dân tối cao quy định mức lệ phí, thủ tục nộp lệ phí, việc quản lý và sử dụng lệ phí.

Chương II

XÉT ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TOÀ ÁN NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành

1- Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài được gửi đến Bộ Tư pháp Việt Nam.

2- Đơn yêu cầu nói tại khoản 1 Điều này phải có nội dung sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của người đó; nếu người được thi hành là pháp nhân, thì ghi tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của pháp nhân đó;

b) Họ, tên, địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người phải thi hành; nếu người phải thi hành là pháp nhân, thì ghi tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của pháp nhân đó.

Trong trường hợp người phải thi hành không cư trú hoặc làm việc tại Việt Nam hoặc pháp nhân không có trụ sở chính tại Việt Nam, thì còn phải ghi rõ địa chỉ nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành tại Việt Nam;

c) Yêu cầu của người được thi hành.

Trong trường hợp bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài đã được thi hành một phần, thì phải ghi rõ phần đã được thi hành và phần còn lại phải được thi hành tiếp.

3- Đơn yêu cầu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực hợp pháp.

Điều 11. Giấy tờ kèm theo đơn yêu cầu

1- Kèm theo đơn yêu cầu quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này còn phải có các giấy tờ được quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Trong trường hợp điều ước quốc tế không quy định hoặc không có điều ước quốc tế liên quan, thì phải có bản sao hợp pháp bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; văn bản xác nhận bản án, quyết định đó có hiệu lực pháp luật chưa hết thời hiệu thi hành và cần được thi hành tại Việt Nam, trừ trường hợp trong bản án, quyết định đó đã thể hiện rõ điểm này; văn bản xác nhận việc đã gửi cho người phải thi hành bản sao bản án, quyết định dân sự đó. Nếu người phải thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của người đó vắng mặt tại phiên tòa, thì phải có văn bản xác nhận người đó đã được triệu tập hợp lệ.

2- Các giấy tờ kèm theo bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực hợp pháp.

Điều 12. Chuyển hồ sơ cho Tòa án

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ đơn yêu cầu, các giấy tờ kèm theo, Bộ Tư pháp phải chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Pháp lệnh này.

Điều 13. Thụ lý hồ sơ